

Số: /GLHX-SXD

Quảng Ngãi, ngày tháng 5 năm 2025

**GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE  
VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ**  
*Có giá trị đến hết ngày 08 tháng 6 năm 2025*

- Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;
- Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

- Căn cứ Thông tư số 39/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ;

- Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ ngày 08/5/2025 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (Địa chỉ: Lô 4H, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi); hồ sơ tiếp nhận trực tuyến qua Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh Quảng Ngãi ngày 12/5/2025,

**Cho phép lưu hành xe quá khổ giới hạn trên đường bộ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC, với các thông tin và điều kiện quy định như sau:**

| 1. Thông tin tổ hợp xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc (SMRM) tải:                                         |                           |                                |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------|
| Thông số kỹ thuật                                                                                   | Đầu kéo hoặc xe thân liền | Rơ moóc/ Sơ mi rơ moóc RM/SMRM |
| Nhãn hiệu                                                                                           | NISSAN                    | DOOSUNG                        |
| Biển số                                                                                             | 76F-002.27                | 76R-003.78                     |
| Số trục                                                                                             | 3                         | 3                              |
| Thời hạn kiểm định                                                                                  | 11/8/2025                 | 12/8/2025                      |
| Khối lượng bản thân (kg)                                                                            | 8.040                     | 15.000                         |
| Khối lượng kéo theo thiết kế (kg)                                                                   | 46.765                    |                                |
| Khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông (kg)                                               | 39.765                    |                                |
| Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế (kg)                                                       |                           | 44.800                         |
| Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (kg)                                        |                           |                                |
| Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (kg)                                                               | 26.000                    | 59.800                         |
| Kích thước bao của tổ hợp (dài x rộng x cao) (m)                                                    | 21,2 x 3,31 x 2,855       |                                |
| 2. Thông tin thiết bị chuyên dùng để hỗ trợ phục vụ vận chuyển lắp, đặt trên xe (nếu có): Không có. |                           |                                |
| Tên (nhãn hiệu) thiết bị: Không.                                                                    |                           |                                |
| Khối lượng bản thân của thiết bị (kg): Không.                                                       |                           |                                |
| Kích thước bao của thiết bị (dài x rộng x cao) (m): Không.                                          |                           |                                |
| Tính năng của thiết bị (ghi theo thiết kế của nhà sản xuất): Không.                                 |                           |                                |
| 3. Thông tin hàng hóa đề nghị chuyên chở:                                                           |                           |                                |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                     |   |                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---|-----------------------------------|
| Loại hàng: 01 Thiết bị khung dầm liên khối.                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                     |   |                                   |
| Kích thước (D x R x C) m:                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 15,0                                                                | x | 3,7 x 3,65                        |
| Tổng khối lượng (tấn):                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 23,5                                                                |   |                                   |
| <b>4. Thông tin kích thước, khối lượng toàn bộ của tổ hợp xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:</b>                                                                                                                                                                                                                       |                                                                     |   |                                   |
| Kích thước (D x R x C) m:                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 23,7                                                                | x | 3,7 x 4,7                         |
| Hàng vượt phía trước thùng xe:                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0,0 m                                                               |   |                                   |
| Hàng vượt hai bên thùng xe (m):                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 0,195 /bên                                                          |   | Hàng vượt phía sau thùng xe 2,5 m |
| Tổng khối lượng (tấn): 8,04+15,0+0,13+23,5 = 46,67 Tấn<br>(gồm khối lượng bản thân ô tô đầu kéo + khối lượng bản thân sơ mi rơ moóc + khối lượng số người ngồi trên xe + khối lượng hàng)                                                                                                                           |                                                                     |   |                                   |
| <b>5. Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên trục xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:</b>                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                     |   |                                   |
| Trục đơn:                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | ≤ 10 tấn                                                            |   |                                   |
| Cụm trục kép:                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | ≤ 18 tấn/cụm trục (khoảng cách giữa 02 tâm trục liên kề: d ≥ 1,3m)  |   |                                   |
| Cụm trục ba:                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | ≤ 24 tấn/cụm trục (khoảng cách giữa 02 tâm trục liên kề: d = 1,31m) |   |                                   |
| <b>6. Tuyến đường vận chuyển</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                     |   |                                   |
| - Nơi đi: Cảng PTSC Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi.                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                     |   |                                   |
| - Nơi đến: Khu công nghiệp Tịnh Phong, tỉnh Quảng Ngãi.                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                     |   |                                   |
| - <b>Chiều đi:</b> Từ Cảng PTSC Dung Quất (Km0/QL.24C, tỉnh Quảng Ngãi) → đường nội bộ Khu kinh tế Dung Quất (đường Võ Văn Kiệt) → QL.24C (Km6+300 đến Km21+200) → Quốc lộ 1 (đoạn từ Ngã tư Bình Long đến Khu công nghiệp Tịnh Phong, tỉnh Quảng Ngãi) → điểm đến tại Khu công nghiệp Tịnh Phong, tỉnh Quảng Ngãi. |                                                                     |   |                                   |
| - <b>Chiều về:</b> Đi theo lộ trình ngược lại.                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                     |   |                                   |

### 7. Các điều kiện quy định khi lưu hành xe trên đường bộ

- Chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện phải tuân thủ các quy định của Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Xe phải có hệ thống hãm đủ hiệu lực (kể cả RM/SMRM kéo theo); hệ thống liên kết nối xe đầu kéo với RM/SMRM phải chắc chắn, bảo đảm an toàn và đúng quy định của nhà sản xuất; phải có cờ, đèn báo hiệu điểm nhô ra lớn nhất của kích thước bao ngoài của xe theo quy định.

- Khi lưu hành trên đường cao tốc và qua hầm đường bộ, trạm thu phí phải tuân thủ quy định về tốc độ, khoảng cách, làn đường và các quy định về quản lý, khai thác của công trình hoặc hướng dẫn của đơn vị quản lý công trình đó (nếu có).

- Khi qua cầu, xe chạy đúng làn đường với tốc độ quy định trên đường bộ; không dừng, đỗ, phanh, hãm xe trên cầu. Không dừng, đỗ xe trong phạm vi đường ngang.

- Phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng kiểm soát giao thông trên đường.

### 8. Số điện thoại liên hệ của cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe: 0255.3825.827./.

#### Nơi nhận:

- Cty CP DVĐK Quảng Ngãi PTSC;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Phòng CSGT tỉnh Quảng Ngãi;
- Lãnh đạo Sở;
- Công TTĐT Sở;
- Lưu: VT, KCHT.tvtri.63

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Trung Tín**